

Bản án số: 239/2022/HS-PT

Ngày: 25 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 346/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trịnh Tiến T3, Võ Văn H2. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 156/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Tấn Đ (Tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 5 năm 1986, tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 10/15/38 H, Phường 5, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Tấn S, sinh năm: 1936 (đã chết) và bà: Mai Thị Thanh N, sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ là Bùi Thị Thanh T, sinh năm: 1988 và có con là Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 2011. Tiền sự: không;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, theo Bản án số 241/2011/HSST ngày 28/10/2011, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2018; Đã nộp xong án phí và tiền phạt ngày 19/9/2019.

Về nhân thân:

+ Theo Bản án số 1474/HSST ngày 30/9/2002, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/11/2003.

+ Theo Bản án số 151/2006/HSST ngày 20/6/2006, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2009; Đã nộp xong án phí ngày 25/8/2006.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/5/2020 tại Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ:** Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T2 - Văn phòng luật sư Quỳnh T2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Trịnh Tiến T3 (Tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh ngày 03 tháng 9 năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: 1/5 N, Phường 15, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 748/17 N, Phường 15, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông: Trịnh T3 T4, sinh năm 1964 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1964; Anh, chị, em: Có 01 anh trai, sinh năm 1985; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, theo Bản án số 100/2014/HSST ngày 24/4/2014, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2018; Đã nộp xong án phí và tiền phạt ngày 22/01/2015.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/5/2020 tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Tiến T3:**

+ Luật sư Võ Đan M - Công ty luật TNHH P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

+ Luật sư Vũ Thanh H1 – Văn phòng Luật sư Vũ Thanh H1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa theo Luật định (có mặt).

3. Võ Văn H2 (Tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh ngày 30 tháng 4 năm 1975, tại tỉnh An Giang; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: không; Con ông: Võ Văn B1, sinh năm 1938 và bà: Phạm Thị Bé B2, sinh năm 1947; Anh, chị, em: Có 07 người, lớn nhất sinh năm 1967, nhỏ nhất sinh năm 1981; Bị cáo có vợ là Lê Thị H3, sinh năm 1975 và có con là Võ Ngọc Minh A, sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/5/2020 tại trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn H2 theo Luật định:** Luật sư Trương Thị Thu H4 - Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 24/5/2020, tại trước nhà số 92A Triệu Quang Phục, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường 10, Quận 5 phát hiện bắt quả tang Trịnh Tiến T3 có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán, thu giữ trong balo màu đen hiệu Sport của T3 đặt tại бага trước của xe gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 59S1-224.92 T3 đang điều khiển, gồm có: 06 gói trà màu xanh nhạt bên trong chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 5.853,02 gam loại Ketamine; 02 túi trà màu xanh đậm bên trong có tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2.009,18 gam loại Methamphetamine; 01 túi trà màu vàng bên trong chứa 2878 viên nén hình răng cưa màu vàng nhạt, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 908,24 gam loại MDMA và 05 túi nylon chứa 5010 viên nén màu hồng hình răng cưa, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1.833,39 gam loại MDMA; 01 Điện thoại di động hiệu Samsung; 01 Điện thoại di động hiệu Oppo.

Đến khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 24/5/2020, Phòng PC04 Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng với Phòng 4 thuộc Cục C04 – Bộ Công an, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Bình Chánh và Đội Cảnh sát giao thông Bùn Cờ phát hiện bắt quả tang Võ Văn H2 có hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, thu trong cốp xe ô tô biển số 51G-355.89 do tài xế Diệp Minh P1 (sinh năm: 1991; HKTT: 564/44 H, Phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh) điều khiển chở theo Võ Văn H2 có 01 túi xách màu đen bên trong có: 01 túi nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 994,36 gam loại Methamphetamine; 01 túi nylon màu đen bên trong chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2.993,79 gam loại Ketamine; 05 túi nylon màu đen bên trong chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 5.000,64 gam loại Methamphetamine; 01 Điện thoại di động hiệu

Iphone; 01 Điện thoại di động hiệu Nokia; 01 Điện thoại di động hiệu Mobell; 1.000.000 đồng (tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam) và 220 USD.

Mở rộng điều tra, Lúc 14 giờ 30' ngày 24/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh khám xét khẩn cấp chỗ ở tại nhà số 364/21/7B D, Phường 5, quận V, thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Tấn Đ là người kêu Trịnh Tiến T3 đi lấy ma túy. Qua khám xét thu giữ gồm: 01 nỏ thủy tinh bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng đục. Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,4210 gam loại Methamphetamine; 01 bình nhựa đầu có gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh, 01 cân điện tử màu bạc và nhiều bịch nylon trong suốt chưa qua sử dụng, một đầu hàn kín và một đầu có khóa kéo nhựa, thu giữ trong người của Nguyễn Tấn Đ: 01 điện thoại Samsung màu đen và 01 điện thoại Iphone màu trắng.

Lúc 16 giờ 00 phút, ngày 24/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Tấn Đ tại nhà số 145/39/51 G, Phường 5, quận V, phát hiện và thu giữ: 01 gói nylon bên trong có chứa tinh thể rắn không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,0731 gam loại Methamphetamine.

Lúc 16 giờ 30 phút, ngày 24/5/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Tiến T3 tại nhà số 748/17 đường N, Phường 15, quận V, phát hiện và thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,1405 gam loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 05 viên nén hình răng cưa màu vàng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,7748 gam loại MDMA; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 68,0634 gam Methamphetamine; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 439,05 gam Methamphetamine; 01 cân tiểu ly, 01 bình gas mini và 02 quẹt gas, 01 chai nhựa có gắn nỏ và ống hút để sử dụng để sử dụng ma túy và một số đoạn ống nhựa, 01 vỏ túi trà màu vàng có in chữ GUAN YIN WANG và nhiều gói nylon chưa qua sử dụng (loại có khóa kéo nhựa một đầu).

Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 878, 879, 881 và 882/KLGĐ-H ngày 01/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra Nguyễn Tấn Đ khai nhận: Đ bắt đầu mua bán ma túy từ đầu năm 2020, thường mua ma túy đá và thuốc lắc của một số người không rõ lai lịch tại khu vực quận Gò Vấp để bán sang tay kiếm lời. Đ mua ma túy đá với giá 30.000.000 đồng/100 gam và bán ra với giá 35.000.000 đồng/100 gam, mua thuốc lắc với giá 180.000 đồng/1 viên và bán ra với giá 200.000 đồng/ 1 viên. Sau đó, Đ được Giáp Quang V1 (đã chết vào khoảng tết âm lịch năm 2020), trước lúc chết V1 đã giới thiệu cho Đ quen với một người đàn ông tên

Hùng (không rõ lai lịch) có bán ma túy. Đến khoảng tháng 4/2020, do một số người Đ có mua ma túy bị bắt nên Đ có gọi cho Hùng để mua ma túy, Đ đã mua ma túy của Hùng được 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất, vào khoảng tháng 4/2020, mua của Hùng 100 gam ma túy đá, lần này Đ nhờ T3 đi lấy ma túy đem về cho Đ và Đ cho T3 2.000.000 đồng.

- Lần thứ hai, vào ngày 22/5/2020, Hùng gọi cho Đ nói có một ít ma túy đá kém chất lượng nhờ Đ tiêu thụ giúp, Đ đồng ý. Sau đó, Đ kêu T3 đi lấy ma túy. Sau khi T3 lấy ma túy đem về cho Đ thì Đ thấy hàng xấu nên đã đưa lại cho T3 giữ để trả lại, Đ có nói lại cho Hùng là ma túy này không bán được nên Hùng nói giữ đó để Hùng lấy sau.

- Lần thứ ba, vào ngày 23/5/2020, Hùng gọi điện cho Đ nói ngày mai sẽ lấy ma túy lại, thì Đ hỏi có ma túy ngon không đưa cho Đ thì Hùng nói ngày mai đưa, nên Đ gọi điện thoại cho T3 kêu T3 ngày 24/5/2020 đi lấy ma túy giúp cho Đ. Sau đó, Đ được biết T3 đã bị Công an bắt.

Đ mua ma túy của Hùng với giá 28.000.000 đồng/100 gam ma túy đá và phân lẻ bán ra với giá 2.000.000 đồng/05 gam, 3.500.000 đồng/10 gam. Đ bán ma túy cho những người nghiện tại khu vực quận Gò Vấp (không rõ lai lịch). Còn đối với số ma túy thu giữ tại chỗ ở của Đ là ma túy Đ lấy trong số ma túy mua của Hùng để Đ sử dụng và khi có người mua Đ sẽ bán. Riêng số ma túy thu giữ trong nỗ lực tinh tại chỗ ở của Đ, Đ khai là ma túy của Đ đang sử dụng còn dư.

Trình Tiến T3 khai nhận: Vào ngày 23/5/2020, Nguyễn Tấn Đ hẹn gặp T3 và Đ có nói với T3 là sáng ngày 24/5/2020 đi lấy ma túy giúp cho Đ. Đồng thời, Đ có đưa cho T3 một sim điện thoại số 0906797210 và nói Đ sẽ liên lạc qua số này và người giao ma túy cho T3 cũng liên lạc qua số này. Đến khoảng 06 giờ 00' ngày 24/5/2020, Đ dùng số điện thoại 0906717062 gọi điện thoại cho T3 kêu T3 đi nhận ma túy và Đ có hứa với T3 là khi xong việc sẽ trả công cho T3 5.000.000 đồng. Đến khoảng 06 giờ 30' cùng ngày, có một người đàn ông có số điện thoại +855978530900 gọi vào số 0906797210 của T3 và hẹn T3 ra trạm thu phí trên đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương (đầu thành phố Hồ Chí Minh) để nhận ma túy. Sau đó, T3 điều khiển xe gắn máy BS; 59S1-224.92 chạy đến điểm hẹn nhưng khi T3 điều khiển xe gắn máy trên đường đến quận 3 thì người giao ma túy hẹn lại T3 là giao tại khu vực cầu Lò Gốm, đường Võ Văn Kiệt, Quận 6. Khi T3 đến khu vực cầu Lò Gốm thì người giao ma túy gọi T3 chạy lại gần một xe ô tô màu trắng (không nhớ rõ biển số và hiệu xe). Theo hướng dẫn, T3 chạy lại gần xe ô tô màu trắng thì cửa kính phía sau ô tô bên trái kéo xuống và một người đàn ông bên trong ô tô đưa cho T3 một ba lô màu đen hiệu Sport bên trong có chứa ma túy. Sau khi nhận được ma túy, T3 bỏ ba lô màu đen lên trước бага xe gắn máy biển số: 59S1-224.92 T3 đang điều khiển rồi đi về nhà của Đ trên đường Dương Quảng Hàm,

Phường 5, quận Gò Vấp để giao lại cho Đ nhưng khi T3 đi đến trước số 92A Triệu Quang Phục, Phường 10, Quận 5 thì bị Công an kiểm tra và bắt quả tang như nêu trên. Ngoài ra, trước đó, T3 khai nhận đã đi lấy ma túy giúp cho Đ 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất, vào đầu tháng 04/2020, sau khi lấy ma túy về cho Đ thì được Đ cho 2.000.000 đồng; Lần thứ hai, vào khoảng ngày 22/5/2020, Đ nhờ T3 ra khu vực xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn nhận ma túy, khi T3 tới điểm hẹn thì có một nam thanh niên đến giao cho T3 01 túi xách màu trắng bên trong chứa ma túy để đem về cho Đ. Sau đó, T3 đem về giao lại cho Đ rồi T3 về, một lúc sau Đ gọi cho T3 nói ma túy vừa nhận là ma túy giả và bảo T3 qua lấy đem về chỗ ở của T3 cất giấu rồi khi nào Đ nói trả thì đem đi trả giúp cho Đ. Sau đó, Đ đưa T3 02 gói ma túy (một gói lớn và một gói nhỏ) T3 đem về chỗ ở cất giấu, gói nhỏ T3 cất giấu ở trong hộc tủ chế dưới cửa sổ phòng của T3, còn gói to để ở hộp carton đặt tại gần cửa ra vào phòng của T3 và khi khám xét bị Công an thu giữ như nêu trên. Còn đối với 01 gói ma túy đá nhỏ và 05 viên thuốc lắc thu tại chỗ ở của T3 là của Đ cho T3 để sử dụng và nếu có khách mua thì T3 sẽ đem bán.

Võ Văn H2 khai nhận: Vào khoảng 03 giờ 00' ngày 24/5/2020, khi H2 đang ở nhà tại Bình Thẳng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thì H2 nhận được điện thoại của Tha (không rõ lai lịch) gọi từ số điện thoại 0342312096, Tha kêu H2 lên cửa khẩu Thuận Phước, Hồng Ngự, Đồng Tháp để nhận ma túy, H2 đồng ý. Sau đó chạy xe máy từ nhà tại Bình Thẳng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đến cửa khẩu Thuận Phước thì gặp Tha, lúc này Tha đưa cho H2 02 ba lô màu đen bên trong có chứa ma túy và dặn H2 đưa một ba lô cho một người có số điện thoại 0906797210 và một ba lô còn lại giao cho một người khác, Tha sẽ cho số điện thoại liên lạc sau và Tha hứa nếu H2 giao xong sẽ cho H2 18.000.000 đồng, H2 đồng ý và dùng xe gắn máy của mình chở 02 ba lô nêu trên về bến xe Hồng Ngự. Tại bến xe, H2 vào bãi gửi xe máy; Sau đó điện thoại cho anh Diệp Minh P1 để thuê xe đi lên thành phố Hồ Chí Minh. Khi xe anh P1 tới thì H2 để ba lô chứa ma túy chưa có số điện thoại người nhận ở cốp phía sau xe, còn ba lô chứa ma túy có người nhận thì H2 cầm theo ngồi ở phía sau xe. Khi xe chạy trên đường cao tốc Trung Lương gần tới thành phố Hồ Chí Minh thì H2 điện thoại vào số điện thoại 0906797210 để hẹn địa điểm giao ma túy thì người nghe máy là một người đàn ông và người này hẹn giao tại cầu Lò Gốm trên đường Võ Văn Kiệt. Khi đến nơi thì có một người thanh niên tướng mạo, bụi con chạy xe máy dạng xe Ariblade màu đen (không rõ biển số) chạy cặp xe ô tô H2 đang đi, H2 biết đây là người đến nhận ma túy mà Tha gửi nên H2 mở cửa sau bên trái đưa ba lô chứa ma túy mà Tha đưa giao cho người này. Sau đó, H2 kêu anh Phong chạy xe đi. H2 tính gọi cho Tha báo là đã giao ma túy và xin địa chỉ tiếp theo. Tuy nhiên, Tha không nghe máy. Lúc này, H2 có nói với anh P1 là chạy xe đến

chỗ nào đó để H2 bắt xe về Bình Dương thăm người nhà còn ba lô chứa ma túy mà Tha đưa cho H2 thì H2 dự định gửi trong cốp xe của anh P1 đến khi nào Tha cho địa chỉ, số điện thoại người nhận thì H2 sẽ gọi cho anh P1 đến đón. Sau đó, anh P1 lái xe chở H2 tới trước số 159 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra và bắt quả tang như nêu trên. Ngoài ra, cách trước khi bị bắt khoảng 01 tuần, H2 có đi giao giúp cho Tha 01 ba lô màu đen bên trong có chứa ma túy cho một người đàn ông tại khu vực đường Nguyễn Văn Linh (đoạn hết cao tốc Trung Lương), cách thức giao ma túy cũng giống như trên, lần này Tha đã trả công cho H2 13.000.000 đồng.

Đối với Hùng, Tha là những người đã giao ma túy cho T3 do Đ, H2 và T3 khai không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với Diệp Minh P1 là lái xe ô tô chở Võ Văn H2, quá trình điều tra xác định P1 không biết và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh đã giải tỏa theo quy định.

Đối với xe ô tô hiệu Honda City biển số 51G-355.89, số khung RLHGM6563HY705407 và số máy L15Z12315401 (kết luận giám định xe có số khung và số máy nguyên thủy, không bị đục lại). Kết quả điều tra được biết chiếc xe này do anh Nguyễn Quốc P2 (Sinh năm 1983; HKTT: 83/12/7 S, Phường 5, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Cuối năm 2018, anh P2 cho thuê xe theo hình thức tự lái, đến khoảng tháng 4/2019, anh P2 ký hợp đồng hợp tác làm ăn với Diệp Minh P1 với hình thức, anh Quốc P2 giao xe cho Minh P1 tìm và chở khách hàng theo yêu cầu của khách, sau khi trừ hết các khoản chi phí, tiền lời còn lại Quốc P2 và Minh P1 chia đôi. Ngày 24/5/2020, Diệp Minh P1 đang chở khách thì bị Công an kiểm tra và tạm giữ chiếc xe này. Lời khai của Võ Văn H2, Diệp Minh P1 và Nguyễn Quốc P2 phù hợp với nhau. Ngày 14/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô biển số 51G-355.89 này cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Quốc P2 bảo quản, sử dụng.

Vật chứng vụ án đã được liệt kê theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 471/PNK/2020 ngày 08/9/2020 của Phòng CS THAHS & HTTP (PC10) - Công an thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ: 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, bên ngoài đánh số 881/20 gói (1,2); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; 01 bình nhựa đầu có gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh, 01 cân điện tử màu bạc và nhiều bịch nylon trong suốt chưa qua sử dụng, một đầu hàn kín và một đầu có khóa kéo nhựa.

- Thu giữ của Võ Văn H2: 01 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, bên ngoài đánh số 879/20; 01 Điện thoại di động hiệu Iphone; 01 Điện thoại di động hiệu Nokia; 01 Điện thoại di động hiệu Mobell; 01 ba lô màu đen có ghi chữ NIKE, 01 áo sơ mi dài tay sọc caro màu trắng xanh; 1.000.000 đồng (tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam) và 220 USD.

- Thu giữ của Trịnh Tiến T3: 02 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, bên ngoài đánh số 878/20 và 882/20; 01 Điện thoại di động hiệu Oppo; 01 Điện thoại di động hiệu Samsung; 01 ba lô màu đen, xanh rằn ri có ghi chữ Sport; 01 nón bảo hiểm; 01 áo khoác màu xanh sọc; 01 quần vải Jean màu xanh; 01 cân tiểu ly, 01 bình gas mini và 02 que gas, 01 chai nhựa có gắn nỏ và ống hút để sử dụng để sử dụng ma túy và một số đoạn ống nhựa, 01 vỏ túi trà màu vàng có in chữ GUAN YIN WANG và nhiều gói nylon chưa qua sử dụng (loại có khóa kéo nhựa một đầu); 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 59S1-224.92, số khung: RLHJF2703BY069080; số máy: JF27E-0792564 (kết luận giám định xe có số khung và số máy nguyên thủy không bị đục lại). Kết quả điều tra được biết chiếc xe này do Nguyễn Thị H4 (sinh năm: 1968; HKTT: 510 X, Phường 25, quận V, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 64/3 Đường 26, Tổ 33, KP5, phường C, quận Đ1, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh tại địa phương được biết hiện tại bà Hồng không còn cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ. Bị can T3 khai xe này là của người em tên Vũ (không rõ lai lịch) cho T3 mượn sử dụng từ cuối tháng 02/2020 đến ngày T3 bị bắt giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe máy này nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ đề giải quyết. Do đó, Cơ quan điều tra lập biên bản chuyển giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 469/CT-VKS-P1 ngày 15/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:

+ Truy tố Nguyễn Tấn Đ, về các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4, Điều 251 của Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Truy tố Trịnh Tiến T3, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4, Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Truy tố Võ Văn H2, về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, theo điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Xử:

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Đ**: Tử hình, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 02 (Hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chịu hình phạt chung là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho công tác thi hành án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Tiến T3**: Tử hình, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho công tác thi hành án

- Buộc bị cáo Trịnh Tiến T3 phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Võ Văn H2**: Tử hình, về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho công tác thi hành án

- Buộc bị cáo Võ Văn H2 phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 03/5/2021, bị cáo Võ Văn H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trịnh Tiến T3 có đơn kháng cáo xin thay đổi tội danh thành “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/5/2021, bị cáo Nguyễn Tấn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội mua bán trái phép chất ma túy

với lý do thực tế bị cáo có nhờ bị cáo Trịnh Tiến T3 đi nhận ma túy 03 (ba) lần, mỗi lần chỉ nhận 100g ma túy đá, số ma túy còn lại là của T3 tự giao dịch riêng với đối tượng tên Hùng nên tổng khối lượng ma túy bị cáo Đ mua bán chỉ là 300g Methamphetamine.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ là Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T2 phát biểu ý kiến: Quá trình điều tra, không có biên bản hỏi cung nào bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ khối lượng ma túy bị cáo T3 bị bắt quả tang cũng như bị thu giữ khi khám xét tại nhà T3 là của bị cáo Đ, mà chỉ thừa nhận có nhờ T3 đi nhận ma túy 03 (ba) lần. Hồ sơ vụ án thể hiện, trong lần thứ hai và lần thứ ba không xác định trọng lượng ma túy Đ nhờ T3 đi lấy là bao nhiêu. Cơ quan điều tra cũng không hỏi cung bị cáo về trọng lượng ma túy, chỉ hỏi về số lần nhờ T3 đi nhận ma túy. Các bị cáo T3 và Đ đều xác định Cơ quan điều tra không cho các bị cáo đối chất trên thực tế và Biên bản đối chất có trong hồ sơ cũng không thể hiện cụ thể về số lượng ma túy mà các bị cáo đã thỏa thuận đi giao nhận nên không thể xác định bị cáo Đ có liên quan đến toàn bộ số ma túy mà T3 cất giữ. Sau khi có kết luận điều tra, bị cáo Đ đã khiếu nại. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T3 cũng thừa nhận bị cáo có giao dịch riêng với đối tượng Hùng trong các lần nhận ma túy thứ hai và thứ ba, lời khai này phù hợp với khiếu nại của bị cáo Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T3 đã khai ra lai lịch của đối tượng Hùng, khai nhận bị cáo T3 có thỏa thuận riêng với Hùng để giữ cho Hùng một lượng ma túy rất lớn, đây là tình tiết mới có giá trị xác định khối lượng ma túy bị cáo Đ mua bán, qua đó ảnh hưởng đến mức hình phạt của bị cáo Đ. Ngoài ra, ngay từ khi bị bắt, bị cáo Đ và T3 đều khai có một lần Đ đưa ma túy cho T3 trả lại cho Hùng vì kém chất lượng, nhưng Cơ quan điều tra cũng không giám định hàm lượng là chưa phù hợp với Công văn hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao về việc giám định chất ma túy. Do đó, để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Trịnh Tiến T3 không thừa nhận hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, và cho rằng hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vì bị cáo chỉ nhận ma túy đưa cho Đ và mang về nhà cất giữ giùm đối tượng tên Hùng (tên thật là Nguyễn T3 An, sinh năm 1987, địa chỉ: thôn Hương Thọ, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh) chứ không mua bán ma túy với ai nên kháng cáo xin thay đổi tội danh và giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Tiến T3 là Luật sư Võ Đan M xin vắng mặt nhưng có bài lý đoán với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chuyển tội danh của bị cáo T3 từ “Mua bán trái phép chất ma túy” thành

“Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, qua đó giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T3 thừa nhận có đi nhận ma túy 03 (ba) lần, mỗi lần là 100g, trong đó lần thứ hai và lần thứ ba, ngoài việc nhận 100g cho bị cáo Đ thì bị cáo T3 có nhận giữ thêm cho đối tượng tên Hùng một lượng ma túy để hưởng tiền công riêng. Lời khai nêu trên phù hợp với khiếu nại của bị cáo Đ cũng như biên bản khám xét tại nhà bị cáo T3 thể hiện có thu giữ 01 gói nylon chứa 68,0634g Methamphetamine trong hộp nhựa tự chế (là gói ma túy của Đ) và 01 gói nylon chứa 439,05g Methamphetamine trong hộp giấy tại trước cửa ra vào phòng ngủ (là gói ma túy của Hùng). Do bị cáo chỉ vận chuyển 300g Methamphetamine giúp bị cáo Đ nên hình phạt chưa đến mức tử hình, còn tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” không quy định hình phạt tử hình nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T3.

Trường hợp không chấp nhận kháng cáo xin chuyển tội danh và giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do có chứng cứ mới là lời khai của bị cáo T3 về lai lịch của đối tượng tên Hùng có thể làm thay đổi bản chất của vụ án, ảnh hưởng đến số phận pháp lý của cả bị cáo T3 và bị cáo Đ.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Tiến T3 theo Luật định là Luật sư Vũ Thanh H1 phát biểu ý kiến: Trong vụ án này, đối tượng Hùng là một mắc xích quan trọng nên cần làm rõ vai trò của Hùng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với chứng cứ mới là lời khai của T3 về lai lịch của Hùng.

Bị cáo Võ Văn H2 thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo chỉ vận chuyển 01 (một) ba lô ma túy đã giao cho bị cáo T3, ba lô còn lại bị cáo không biết của ai.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn H2 theo Luật định là Luật sư Trương Thị Thu H4 phát biểu ý kiến: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ đã được bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bị cáo H2 còn có các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo phải nuôi mẹ già bị bệnh nặng và con nhỏ; bị cáo được đối tượng tên Tha nhờ vận chuyển hàng nhưng vì cả nể nên không xem xét số hàng này là gì và bị cáo cũng không biết đó là ma túy, không nhận thức được việc vận chuyển ma túy. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H2, tuyên phạt bị cáo mức án tù chung thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”,

bị cáo Trịnh Tiến T3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Võ Văn H2 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, đồng thời áp dụng mức hình phạt tử hình đối với cả 03 bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn Đ, bị cáo cho rằng chỉ mua bán ma túy 03 (ba) lần, mỗi lần 100g ma túy đã nên xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, lời khai này không phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên kháng cáo này là không có cơ sở.

Về kháng cáo xin chuyển tội danh và giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T3, bị cáo biết bị cáo Đ mua bán ma túy nhưng vẫn nhận ma túy giúp cho Đ là hành vi giúp sức nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai ra lai lịch của đối tượng Hùng nhưng đây chỉ là lời khai nại của bị cáo và tình tiết này cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không cần thiết hủy án.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Văn H2 với lý do bị cáo chỉ vận chuyển một ba lô chứa ma túy, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thể hiện bị cáo vận chuyển cả 02 (hai) ba lô có chứa ma túy bị thu giữ, trong đó 01 (một) ba lô đã giao cho T3 có khối lượng hơn 10kg ma túy các loại. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận hành vi tàng

trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép ma túy nhưng yêu cầu xem xét lại khối lượng ma túy mua bán vì cả 03 (ba) lần bị cáo đều chỉ nhờ Trịnh Tiến T3 nhận 100 gam ma túy đá. Bị cáo Trịnh Tiến T3 thống nhất với lời khai của bị cáo Đ nhưng cho rằng hành vi của bị cáo chỉ là vận chuyển và tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo Võ Văn H2 chỉ thừa nhận hành vi vận chuyển 01 (một) ba lô chứa ma túy đã giao cho bị cáo T3.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Vì mục đích tư lợi, Nguyễn Tấn Đ bắt đầu mua bán ma túy từ đầu năm 2020, thường mua ma túy đá và thuốc lắc tại khu vực quận Gò Vấp để bán sang tay kiếm lời. Đ đã mua ma túy của đối tượng tên Hùng 03 (ba) lần, cụ thể:

[2.1.1] Lần đầu bị cáo Đ mua 100 gam ma túy đá, nhờ Trịnh Tiến T3 đi lấy ma túy đem về cho Đ và trả công cho T3 2.000.000 đồng.

[2.2.2] Lần thứ hai, Hùng nhờ Đ bán ma túy kém chất lượng và Đ kêu T3 đi lấy ma túy, nhưng khi thấy hàng quá xấu, Đ đã đưa lại cho T3 giữ để trả lại Hùng. Qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Tiến T3 tại nhà số 748/17 đường N, Phường 15, quận V thu giữ số ma túy T3 nhận cho Đ trong lần thứ 2 gồm: 1,7748 gam loại MDMA và 508,2539 gam Methamphetamine.

[2.2.3] Lần thứ ba, vào ngày 23/5/2020, Đ hỏi mua ma túy của Hùng và sau đó kêu T3 ngày 24/5/2020 đi lấy ma túy giúp cho Đ. Khi T3 nhận ma túy thì bị bắt quả tang với khối lượng ma túy bao gồm: 5.853,02 gam loại Ketamine; 2.009,18 gam loại Methamphetamine và 2.741,63 gam loại MDMA.

[2.3] Như vậy, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng ma túy mua bán là: 5.853,02 gam, loại Ketamine; 2.617,4339 gam, loại Methamphetamine và 2.743,4048 gam, loại MDMA.

[2.4] Ngoài ra, quá trình khám xét tại nơi ở của bị cáo Đ còn phát hiện bị cáo tàng trữ số ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,4941 gam, loại Methamphetamine để sử dụng.

[2.5] Bị cáo Trịnh Tiến T3 biết rõ Nguyễn Tấn Đ mua bán trái phép chất ma túy nhưng đã 03 (ba) lần đi nhận ma túy giúp bị cáo Đ như đã nêu tại các mục từ [2.2.1] đến [2.2.3] để hưởng lợi bất chính nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng ma túy Đ mua bán nêu tại mục [2.3].

[2.6] Đối với bị cáo Võ Văn H2, đã có hành vi vận chuyển cho đối tượng tên Tha (không rõ lai lịch) gồm 02 (hai) ba lô màu đen bên trong có chứa ma túy

và Tha dẫn H2 đưa 01 (một) ba lô cho một người có số điện thoại 0906797210 (bị cáo T3) và 01 (một) ba lô còn lại giao cho một người khác, Tha sẽ cho số điện thoại liên lạc sau và hứa nếu H2 giao xong sẽ cho H2 18.000.000 đồng. Ngày 24/5/2020, bị cáo H2 đã liên lạc và giao số ma túy ở ba lô màu đen thứ nhất cho bị cáo T3 với khối lượng nêu tại mục [2.2.3], sau đó T3 bị bắt quả tang. Số ma túy còn lại ở ba lô màu đen thứ hai bị cáo H2 chưa giao thì bị bắt quả tang, thu giữ, gồm: 2.993,79 gam, loại Ketamine; 5.995 gam, loại Methamphetamine. Như vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy vận chuyển là 8.846,81 gam, loại Ketamine; 8.612,4339 gam, loại Methamphetamine và 2.743,4048 gam, loại MDMA.

[2.7] Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 878, 879, 881 và 882/KLGD-H ngày 01/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Với các hành vi nêu trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trịnh Tiến T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Văn H2 phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đối với số ma túy mẫu m1, có khối lượng 1,1405 gam, loại Methamphetamine và mẫu m2, có khối lượng 1,7748 gam, loại MDMA mà bị cáo Đ khai cho bị cáo T3 để sử dụng và không có ý định đòi lại để bán khi cần, còn bị cáo T3 khai mục đích là để sử dụng, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đề nghị điều tra đối với bị cáo T3 về một tội danh khác là phù hợp với nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, làm lây lan tệ nạn nghiện ngập trong xã hội mà còn gây khó khăn trong việc phòng chống tội phạm về ma túy và các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn Đ.

[5.1] Bị cáo Đ kháng cáo cho rằng có mua bán ma túy 03 (ba) lần, mỗi lần đều nhờ bị cáo T3 đi nhận 100g ma túy đá nên tổng khối lượng ma túy mua bán chỉ là 300gam, số ma túy còn lại do T3 tự giao dịch riêng với Hùng. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện, tại các biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2020, ngày

25/5/2020 (bút lục 293, 295, 297), Đ thừa nhận lần đầu nhờ T3 nhận 100g ma túy, lần thứ hai không nói số lượng nhưng sau khi T3 mang ma túy về thì Đ đưa T3 giữ để trả lại Hùng do ma túy xấu và lần thứ ba cũng không nói số lượng ma túy giao nhận, vì Hùng giao bao nhiêu Đ cũng chưa được biết, đợi T3 đem về mới biết. Lời khai trên của bị cáo Đ phù hợp với lời khai của bị cáo T3 về việc đi nhận ma túy giúp Đ nhưng không biết số lượng bao nhiêu (bút lục 334, 336, 338, 340, 344).

[5.2] Tại bản tự khai (bút lục 348), bị cáo T3 khai nhận ngày 22/5/2020 có nhận ma túy đem về cho Đ nhưng sau đó Đ kêu T3 lấy lại mang về cất khi nào Đ yêu cầu thì trả lại cho người giao, Đ đưa lại cho T3 02 (hai) gói ma túy (01 lớn 01 nhỏ), bị cáo đem về chỗ ở cất gói nhỏ trong hộc tự chế dưới cửa sổ phòng, gói lớn để trong hộp carton đặt gần chỗ cửa ra vào. Lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo Đ (bút lục 306), và phù hợp với biên bản khám xét tại nhà bị cáo T3 (bút lục 65) thể hiện: thu giữ trong hộc nhựa tự chế dưới cửa sổ phòng của T3 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu gói số 3); thu tại góc bên phải trước cửa ra vào phòng của T3 01 hộp giấy carton bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu gói số 4); T3 khai 02 gói nylon thu tại vị trí số 3, 4 là ma túy của Đ gửi T3 cất giữ giấu.

[5.3] Biên bản hỏi cung bị can ngày 13/8/2020 (bút lục 344) thể hiện, bị cáo T3 xác nhận số ma túy kém chất lượng bị cáo Đ mua lần thứ hai bị cáo T3 vẫn giữ và đã bị thu giữ khi khám xét. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/5/2020 (bút lục 338), T3 tiếp tục xác định túi có ký hiệu gói số 3 và số 4 bị thu giữ khi khám xét tại nhà bị cáo là hai túi nylon T3 giữ giấu Đ khi lấy về lần thứ hai.

[5.4] Tại biên bản đối chất (bút lục 237), bị cáo T3 xác nhận ngày 21 hoặc 22/5/2020 có lấy ma túy đem về cho Đ nhưng khi Đ kiểm tra thì nói ma túy giả nên đưa cho T3 giữ để trả lại người giao, lần này là 02 túi nylon ký hiệu số 3, 4 T3 bị thu giữ khi khám xét. Đồng thời, khai nhận Đ đưa cho T3 01 sim điện thoại số 0906797210 để liên lạc mua bán ma túy và lần nhận ma túy thứ 3 (ba) vào ngày 24/5/2020, sau khi nhận ma túy trên đường về giao cho Đ thì bị bắt quả tang. Bị cáo Đ cũng thống nhất những lời khai này của bị cáo T3.

[5.5] Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/5/2020 (bút lục 48), lời khai của bị cáo Đ (bút lục 296, 297, 300), lời khai của bị cáo T3 (bút lục 344, 345, 348, 350), biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo H2 (bút lục 92, 96), có cơ sở xác định ngày 23/5/2020, Đ hẹn gặp T3 để nhờ T3 sáng ngày 24/5/2020 đi lấy ma túy giúp cho Đ nhưng không cho biết số lượng ma túy nhận là bao nhiêu và có nói người giao ma túy sẽ liên lạc với T3 qua sim điện thoại số 0906797210 mà Đ đã đưa cho T3. Sáng ngày 24/5/2020, có 01 (một) nam thanh

niên sử dụng số điện thoại +85597830900 (bị cáo H2) liên lạc với T3 qua số điện thoại 0906797210 để hẹn giao ma túy. Khi T3 đến điểm hẹn, H2 đưa cho T3 01 (một) ba lô màu đen, bên trong chứa ma túy. Trên đường T3 mang ba lô này đem về cho Đ thì bị bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy vừa nhận, qua giám định có khối lượng như đã nêu tại mục [2.2.3].

[5.6] Như vậy, lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản đối chất, biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có cơ sở để xác định, số ma túy bị cáo Đ mua bán lần thứ nhất là 100g ma túy đá, lần thứ hai là số ma túy đã bị thu giữ khi khám xét tại nhà bị cáo T3; lần thứ 3 là ma túy bị cáo T3 bị bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy mua bán như đã nêu tại mục [2.3]. Mặc dù, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo T3 thay đổi lời khai cho rằng bị cáo Đ chỉ nhờ bị cáo nhận 300g ma túy đá, số ma túy còn lại do bị cáo tự nhận từ đối tượng tên Hùng do có quen biết với Hùng, tuy nhiên, lời khai này là mâu thuẫn với khai nhận ban đầu của bị cáo Đ nêu trên và mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo T3 tại các bản cung về khối lượng ma túy bị cáo nhận cho Đ và xác định không quen biết đối tượng tên Hùng (bút lục 333, 336, 338, 340, 344). Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T3 xác nhận các bản cung này đều do bị cáo tự viết, được bị cáo đọc lại và ký tên, không bị ép cung nên việc bị cáo thay đổi lời khai là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ lời khai này của bị cáo T3. Tại Công văn số 38/VKS-P1 ngày 04/2/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định khai nhận nêu trên của bị cáo T3 là không có cơ sở. Do đó, kháng cáo của bị cáo Đ cho rằng khối lượng ma túy mua bán là 300g là không có căn cứ.

[5.7] Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ như quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã từng bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý (tội mua bán trái phép chất ma túy), chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Mặt khác, bị cáo đã mua bán ma túy cùng bị cáo Trịnh Tiến T3 03 (ba) lần, mỗi lần đều có khối lượng 100 gam ma túy trở lên, nên thuộc trường hợp “phạm tội hai lần trở lên”, là 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, từng 02 lần bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo nên cần có mức án

ng nghiêm khắc để răn đe. Do vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo hình phạt tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh là: Tử hình là thỏa đáng, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo xin thay đổi tội danh và giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Tiến T3.

[6.1] Bị cáo T3 kháng cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, không phải tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Tuy nhiên, các lời khai trong quá trình điều tra, bị cáo đều thừa nhận biết việc Nguyễn Tấn Đ mua ma túy nhằm bán lại cho người khác (bút lục 333, 334, 344) nhưng vẫn giúp sức đi nhận ma túy cho bị cáo Đ để hưởng lợi nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6.2] Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” và “tái phạm nguy hiểm” quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó, xử phạt bị cáo T3 tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là phù hợp với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo nêu trên của bị cáo T3.

[6.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận về lai lịch của đối tượng Hùng, theo đó Hùng tên thật là Nguyễn T3 An, sinh năm 1987, địa chỉ: thôn Hương Thọ, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Người bào chữa cho bị cáo Đ và bị cáo T3 đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại với chứng cứ mới là lời khai nêu trên của bị cáo T3. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, bị cáo T3 đều xác định không quen biết Hùng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lời khai cho rằng có quen Hùng và thỏa thuận riêng với Hùng về việc cất giữ ma túy giúp Hùng, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ lời khai này nhưng bị cáo cũng không cung cấp thông tin về lai lịch của đối tượng Hùng. Do vậy, lời khai nêu trên chỉ là khai nài của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, như phân tích

tại các mục từ [5.1] đến [5.6], đã có đủ cơ sở xác định số ma túy bị cáo T3 bị bắt quả tang và thu giữ khi khám xét tại nhà T3 là của bị cáo Đ nên việc làm rõ lai lịch của đối tượng Hùng cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo. Trường hợp có đủ căn cứ xác định lai lịch và hành vi phạm tội của đối tượng Hùng sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, không cần thiết hủy án sơ thẩm như đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo Đ và bị cáo T3.

[7] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Văn H2

[7.1] Bị cáo H2 kháng cáo cho rằng chỉ vận chuyển 01 (một) ba lô chứa ma túy đã giao cho bị cáo T3, ba lô còn lại bị cáo không biết của ai. Hồ sơ vụ án thể hiện, tại cơ quan điều tra, bị cáo H2 khai nhận có vận chuyển cho đối tượng tên Tha 02 (hai) ba lô màu đen bên trong có chứa ma túy, 01 (một) ba lô đã giao cho bị cáo T3 và 01 (một) ba lô còn lại giao cho 01 (một) người khác nhưng chưa kịp giao thì bị bắt quả tang, thu giữ (bút lục 235, 310, 312). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo T3, với biên bản bắt người phạm tội quả tang, nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đã vận chuyển 02 (hai) ba lô chứa ma túy với tổng khối lượng đã nêu tại mục [2.6] là có căn cứ.

[7.2] Bị cáo H2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[7.3] Tuy nhiên, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, với số lượng ma túy vận chuyển rất lớn là 19.594,3948 gam ma túy các loại nên mức án tử hình mà bản án của Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như đề nghị của những người bào chữa, và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trịnh Tiến T3 và Võ Văn H2 phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trịnh Tiến T3 và Võ Văn H2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 156/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

[1] Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Đ**: Tử hình, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 02 (Hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chịu hình phạt chung là Tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn Đ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

[2] Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Tiến T3**: Tử hình, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trịnh Tiến T3 để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Trịnh Tiến T3 phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

[3] Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Võ Văn H2**: Tử hình, về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Văn H2 để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Võ Văn H2 phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trịnh Tiến T3 và Võ Văn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trịnh Tiến T3, Võ Văn H2 có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước - Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (4)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang; (1)
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam CA Thành phố Hồ Chí Minh; (4)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo”;
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 21b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình